

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN KIỂM TOÁN / BACHELOR OF AUDITING
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KIỂM TOÁN (AUDITING)
MÃ NGÀNH/CODE:	7340302
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

CTĐT ngành Kiểm toán đào tạo về các loại hình kiểm toán, kế toán, kiểm soát và phân tích nhằm nâng cao năng lực hành nghề kiểm toán đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. CTĐT trang bị cho sinh viên **kiến thức ngành** cũng như **kiến thức nền tảng rộng**, các **kỹ năng và thái độ cần thiết** nhằm cung cấp nguồn nhân lực kiểm toán chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của đất nước. CTĐT rèn luyện sinh viên những phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe tốt và nắm vững kiến thức chuyên môn toàn diện về kiểm toán, kỹ năng thực hành cơ bản, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành kiểm toán. CTĐT cũng chuẩn bị cho sinh viên làm việc trong lĩnh vực kiểm toán yêu cầu kiến thức nâng cao về nghiên cứu và quản lý nhà nước, có năng lực học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PG 1: Áp dụng được kiến thức ngành và kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán.

PG 2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp kiểm toán.

PG 3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp kiểm toán.

PG 4: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học hiệu quả trong công việc.

PG 5: Hình thành năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc.

1.3. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:

- + Kiểm toán viên trong các cơ quan kiểm toán nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước;
- + Kiểm toán viên nội bộ trong các ngân hàng thương mại, tập đoàn kinh tế, công ty niêm yết hay các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- + Cán bộ quản lý, chuyên gia, cán bộ nghiên cứu trong các cơ quan quản lý, hoạch định về chính sách ở trung ương và địa phương như: Cơ quan thanh tra, cơ quan thuế, kho bạc nhà nước...;
- + Cử nhân kiểm toán có thể làm cán bộ quản lý, chuyên gia trong các loại hình doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị khác nhau;
- + Nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy về kiểm toán tại các Trường, Viện, trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực về kiểm toán;
- + Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp, cử nhân ngành kiểm toán có thể tự thành lập công ty dịch vụ kiểm toán để phát triển các cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mã CĐR
	<i>Sinh viên tại thời điểm tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán có khả năng:</i>	
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong bối cảnh doanh nghiệp và kinh tế-xã hội.	CĐR 1
	Vận dụng được kiến thức toán kinh tế, thống kê, kinh tế học, quản lý học, hành vi tổ chức vào mô tả, giải thích, phân tích tổ chức để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán.	CĐR 2
	Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán và kiểm soát vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán và các loại hình kiểm toán cho các đơn vị.	CĐR 3
	Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, kiểm soát và tài chính vào phân tích, đánh giá các hoạt động và đề xuất hoàn thiện cho chủ thể và khách thể kiểm toán.	CĐR 4

CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Có kỹ năng phản biện, phê phán đối với việc áp dụng các chuẩn mực và phương pháp kế toán và kiểm toán.	CDR 5
	Có kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán và các giai đoạn của cuộc kiểm toán.	CDR 6
	Có các kỹ năng giao tiếp; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn trong công việc.	CDR 7
	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả và khả năng thích nghi cao trong công việc.	CDR 8
CDR Ngoại ngữ	Kỹ năng ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo Tiếng Anh (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc tương đương)	CDR 9
CDR Tin học	Kỹ năng tin học: Có kỹ năng cơ bản trong sử dụng các sản phẩm Microsoft Office: Word, Excel, PowerPoint (chứng chỉ tin học MOS/IC3/ICLD)	CDR 10
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có tinh thần trách nhiệm, tự chủ trong công việc; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân; trở thành công dân toàn cầu, tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc đạo đức; và có năng lực học tập suốt đời.	CDR 11

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	45	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	30	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	132	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kiểm toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kiểm toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
1.2. Các học phần của Trường				12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
1.3. Các học phần của ngành				12		
11	1	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	I	
12	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1001	3	II/III	KHMI1101, KHMA1101
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	I	
14	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economic and Business	TKKD1129	3	I	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				88		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
15	1	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	KTTC1106	3	II	KTKE1101
16	2	Kế toán quản trị 1 Managerial Accounting 1	KTQT1103	3	III	KHMI1101
17	3	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101 TKKD1129
18	4	Kiểm toán căn bản Basic Auditing	KTKI1101	3	IV	KTKE1101 NHLT1107

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kiểm toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
19	5	Hệ thống thông tin kế toán 1 Accounting Information Systems 1	KTHT1101	3	IV	KTTC1106; KTQT1103
2.2. Kiến thức ngành				45		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				30		
20	1	Kiểm toán tài chính 1 Financial Auditing 1	KTKI1108	3	V	KTKI1101
21	2	Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2	KTQT1104	3	IV	KTQT1103
22	3	Kế toán công 1 Accounting for Public Sector 1	KTKE1109	3	IV	KTKE1101; KTTC1106
23	4	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	KTTC1107	3	IV	KTTC1106
24	5	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	KTTC1111	3	IV	KTKE1101
25	6	Hệ thống thông tin kế toán 2 Accounting Information Systems 2	KTHT1102	3	V/VI	KTHT1101
26	7	Kiểm toán nội bộ Internal Audit	KTKI1110	3	VI	KTKI1108 KTQT1103
27	8	Kiểm toán tài chính 2 Financial Auditing 2	KTKI1109	3	VI	KTKI1108
28	9	Thực tập kế toán Accounting Internship	KTKT1103	3	VI	KTTC1107, KTHT1101
29	10	Đề án - Kiểm toán Essay on Auditing	KTKI1120	3	VII	KTKI1101
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15		
30 31 32 33 34	1	Kế toán chi phí Cost Accounting	KTQT1109	3	II	KHMI1101
	2	Tiếng Anh ngành kế toán English for Accounting	KTTC1112	3	V/VI	KTTC1106, KTQT1103, KTKI1101
	3	Kiểm soát quản lý Management Control	KTKI1105	3	VII	KTKI1101 KTQT1103
	4	Kiểm soát nội bộ Internal Control	KTHT1105	3	III	KHMI1101; KHMA1101
	5	Kế toán nâng cao 1 Advanced Accounting 1	KTTC1117	3	VI	KTTC1106
	6	Phân tích dữ liệu trong kế toán Data Analytics for Accounting	KTHT1104	3	VI	KHMI1101; KHMA1101
	7	Kế toán điều tra Forensic Accounting	KTKE1111	3	VI	KTKI1109
	8	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1105	3	IV	KHMI1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kiểm toán)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	9	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	NLQT1101	3	III	
	10	Lịch sử kinh tế Economic History	KHEH1105	3	III/IV	
	11	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT1170	3	II/III	KHMI1101, KHMA1101
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
	1	Kiểm toán hoạt động Operational Audit	KTKI1106	3	VI	KTKI1101 KTKI1108
	2	Chuyên đề kiểm toán Contemporary Issues in Auditing	KTKI1118	3	VI	KTKI1101
	3	Kê toán tài chính 3 Financial Accounting 3	KTTC1114	3	V	KTTC1107
35	4	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính Practicing an Financial Audit	KTKI1116	3	VII	KTKI1108
36	5	Kê toán nâng cao 2 Advanced Accounting 2	KTTC1118	3	VII	KTTC1106
37	6	Kê toán công 2 Accounting for Public Sector 2	KTKE1110	3	V	KTKE1109
38	7	Kê toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3	V/VI	KTKE1101; KTTC1106
39	8	Kiểm toán tài chính 3 Financial Auditing 3	KTKI1119	3	VII	KTKI1108 KTKI1109
40	9	Kê toán dự án đầu tư Investment Project Accounting	KTKE1107	3	VI	KTKE1101
	10	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	III/IV	NHLT1107 KTTC1106
	11	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101
	12	Thuế Taxation	NHCO1111	3	III/IV	KHMI1101, KHMA1101
41	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		KTKI1121	10	VIII	KTKI1103, KTKI1109
	Tổng số tín chỉ			132		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học

phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hữu Ánh

PGS.TS Phạm Hồng Chương